

Số: 118 /QĐ-THPTCT

Cô Tô, ngày 15 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 của trường THPT Cô Tô

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-SGDĐT ngày 11/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 của các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của kế toán trường THPT Cô Tô.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 của trường THPT Cô Tô (Theo biểu đính kèm).

Điều 2. Các ông (bà): Thủ trưởng đơn vị, tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, phòng kế toán và các ông bà có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở GD&ĐT;
- KBNN khu vực III, PGD số 18;
- Lưu :VT, KT.



TRƯỜNG THPT CÔ TÔ
Chương 422



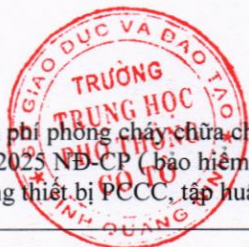
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2026
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cô Tô
Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1061364-422
Mã KBNN nơi giao dịch: 2823

(Kèm theo Quyết định số 118 /QĐ-THPTCT ngày 15/06/2026 của trường THPT Cô Tô)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm theo QĐ số 1600/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025	Dự toán điều chỉnh tăng (+)	Dự toán điều chỉnh giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh theo QĐ số 423/QĐ-SGDĐT ngày 11/6/2026
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí				
1. Số thu phí, lệ phí				
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại				
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	11.896			12.050
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	12.046			12.200
1.1 Chi quản lý hành chính				
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	12.046			12.200

a. Kinh phí thực hiện tự chủ	7.500			7.500
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.546	154		4.700
Cấp bù học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	130			130
Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	4			4
Chính sách đối với học sinh, học viên bán trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND	404	78		482
Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	49	35		84
Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh và các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 20% kinh phí hoạt động)	305	35		340
Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	341			341
Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND	1.335			1.335
Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	260	6		266
Kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên dạy ôn thi tuyển sinh THPT, thi tốt nghiệp THPT	438			438
Học bạ điện tử	4			4



Kinh phí phòng cháy chữa cháy theo Nghị định 105/2025 ND-CP (bảo hiểm cháy nổ, bảo dưỡng thiết bị PCCC, tập huấn PCCC)	263			263
Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	198			198
Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	350			350
Mua sắm bổ sung trang thiết bị	465			465
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	150			150